

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 24/7/2018

V/v tranh chấp đòi lại tài sản
(đất, nhà cho mượn, cho ở nhờ).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam và ông Nguyễn Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn, cho ở nhờ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 - Trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Các bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 - Điều trú tại: Tổ B, thị trấn B, C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

3. Người làm chứng: Chị Đào Thị Phương H, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ C, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà có chồng là Nguyễn Văn P kết hôn tháng 8 năm 1982. Vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Bắc Kạn) có sinh được

02 người con. Con thứ nhất tên là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và con thứ hai tên là Nguyễn Việt H, sinh năm 1986. Năm 1984, vợ chồng và con cái chuyển ra mua đất và làm nhà tại tổ C, thị trấn B, huyện C. Năm 1990 bán đất và nhà ở tổ C, thị trấn B, huyện C. Năm 1992, mua đất và làm nhà ở tại tổ D, thị trấn B, huyện C. Năm 1995 bán đất và nhà ở tổ D, thị trấn B, huyện C đất làm nhà ở tổ F thị trấn B, huyện C. Năm 2003 vợ chồng bà có vay tiền ngân hàng Nông nghiệp huyện Ch số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để làm ăn. Năm 2004 vợ, chồng bà mua 100m² đất và làm nhà tại tổ B, thị trấn B, huyện C để tặng cho con gái là chị Nguyễn Thị H, có chồng là anh Nguyễn Văn N.

Đầu năm 2005, trong quá trình làm ăn bị thua lỗ và ông P bị ốm nặng, cuối năm 2005 thì ông P chết, vì vậy năm 2008 phải bán đất và căn nhà tại tổ F, thị trấn B, huyện C được số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để trả nợ cho ngân hàng. Sau năm 2008, bà T phải đi thuê nhà ở và đi làm thuê, đến năm 2011 mua được hai thửa đất ở tại tổ G, thị trấn B, cụ thể: Thửa đất số 366F, tờ bản đồ số 1, số sổ BE 421238; diện tích 83,0m² và thửa đất số 11F, tờ bản đồ số 33, số sổ BE 421239, diện tích 28,0m², năm 2012 làm nhà ở hai thửa đất này và ở đây đến năm 2013 thì bà T lấy chồng và chuyển về sinh sống ở Bắc Giang.

Năm 2016, bà T giao chìa khóa nhà ở tổ D, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn cho chị H để chị H vào nhà thấp hương cho chồng bà T là ông P (bố đẻ chị H) và cho chị H mượn ở nhờ ngôi nhà này. Năm 2017 bà T có nhu cầu sử dụng đất và nhà ở tổ D, thị trấn B, huyện C đã nhiều lần yêu cầu chị H, anh N trả lại nhà, nhưng chị H, anh N không trả mà đánh bà.

Nay bà T yêu cầu chị H và anh N phải trả lại đất và nhà tại tổ D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cho bà sử dụng. Tài sản trong nhà không có gì, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Đối với đồng bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N:***

Trong quá trình Tố tụng Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H và anh N, chị H và anh N không đến Tòa án và cũng không có lý do gì. Mặt khác: Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương vào tận nơi ở của chị H và anh N để lấy lời khai của chị H, anh N nhưng anh, chị không hợp tác.

Đối với anh Nguyễn Việt H con của bà T xác nhận đất và nhà xây cấp 4 tại tổ D, thị trấn B, huyện C là tài sản riêng của bà T, anh H không có công sức hay đóng góp gì vào khối tài sản này và anh không có ý kiến gì.

Đối với người làm chứng là chị H xác nhận bà T là người đầu tư xây dựng căn nhà tại tổ D, thị trấn B, huyện C, quá trình xây dựng bà T có gửi vật liệu tại nhà chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định

của pháp luật. Đối với các bị đơn không thực hiện theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản là đất và nhà cho ở nhờ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn có địa chỉ tại thị trấn B, huyện C. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà T có chồng là ông P và sinh được hai con H và H (năm 2004 chị H được bố, mẹ tặng cho một thửa đất và nhà ở tổ C, thị trấn B, huyện C còn hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù giam). Ông P chết năm 2005. Năm 2011 bà T mua đất và làm nhà ở tổ D, thị trấn B, huyện C, năm 2016 bà T giao chìa khóa cửa cho chị H và cho chị ở nhờ căn nhà này để chị thấp hương thờ cúng, đến năm 2017 bà T có nhu cầu lấy lại đất và nhà và có yêu cầu chị H, anh N trả lại đất và nhà nhưng anh, chị không trả.

Đối với anh Nguyễn Việt H con của bà T xác nhận đất và nhà xây cấp 4 tại tổ D, thị trấn B, huyện C là tài sản riêng của bà T, anh H không có công sức hay đóng góp gì vào khối tài sản này và anh không có ý kiến gì. Vì vậy Tòa án chấp nhận ý kiến của anh H.

Đối với người làm chứng là chị H xác nhận bà T là người đầu tư xây dựng căn nhà tại tổ D, thị trấn B, huyện C, quá trình xây dựng bà T có gửi vật liệu tại nhà chị H. Ý kiến của chị H được Tòa án chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị T sở hữu một căn nhà 1 tầng cấp IV, được xây dựng trên hai thửa đất liền kề, thửa đất số 366F, tờ bản đồ số 1; số sổ BE 421238; Diện tích 83,0m² và thửa đất số 11F, tờ bản đồ số 33; số sổ BE 421239; diện tích 28,0m²; Hai thửa đất trên bà T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 12 năm 2011 đứng tên Nguyễn Thị T. Do vậy Hội đồng xét xử khẳng định đất và nhà là tài sản riêng của bà T.

Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy buộc chị H, anh N trả lại đất và nhà cho bà T.

[3]. Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, vì vậy các bị đơn phải chịu án phí theo pháp luật.

[4]. Về chi phí định giá tài sản: Bà T có yêu cầu Tòa án Thành lập Hội đồng định giá tài sản và nộp tạm ứng 5.000.000đ. Tại phiên tòa bà T xin tự nguyện chịu tiền chi phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 124, 256, 401, 512, 513, 514, 515, 516 và Điều 517 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với các bị đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà bao gồm:

Thửa đất số 366F, tờ bản đồ số 1; số sổ BE 421238; Diện tích 83,0m² và thửa đất số 11F, tờ bản đồ số 33; số sổ BE 421239; diện tích 28,0m²; Hai thửa đất này bà T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01 tháng 12 năm 2011 đứng tên Nguyễn Thị T.

Một ngôi nhà 1 tầng cấp IV xây tường 110 lợp mái tôn, kích thước = 4m x 20m nằm trong hai thửa đất số 366F, tờ bản đồ số 1; số sổ BE 421238; Diện tích 83,0m²; thửa đất số 11F, tờ bản đồ số 33; số sổ BE 421239; diện tích 28,0m²; Địa chỉ nhà và đất tại tổ 16 – thị trấn B – C – Bắc Kạn.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N phải liên đới chịu tổng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà T 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai thu số 05910 ngày 19 tháng 12 năm 2017.

[3]. Phí định giá tài sản: Ghi nhận bà T xin tự nguyện chịu tiền định giá tài sản. Xác nhận bà T đã nộp đủ số tiền định giá là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

[4]. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Nam Nguyễn Ngọc Liêm

Đặng Đình Hưng

Nơi nhận:

- VKSND H.Chợ Đồn;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H.Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hưng

Nơi nhận:

- VKSND H.Chợ Đồn;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H.Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Trung Hiền

Lục Thị Xinh

Đặng Đình Hưng

Nơi nhận:

- VKSND H.Chợ Đồn;
- TAND T. Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- THADS H.Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

